

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2023

“V/v:Ly hôn, tr/c nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Vụ;

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Mạnh T1, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Mạnh T1 kết hôn với nhau vào ngày 05/01/2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại thị trấn N đến năm 2022 thì chuyển về phố T, phường Q, thành phố T sinh sống. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 không có trách nhiệm với vợ

con, không có trách nhiệm với gia đình, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, mặc dù hai bên đã nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng vẫn không hòa thuận được với nhau, từ tháng 05/2023 chị và con đã ra ở nơi khác, chị và anh T1 đã sống ly thân, việc ai người đó làm, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Mạnh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Lê Khánh A, sinh ngày 04/11/2015 và cháu Lê Đăng D, sinh ngày 29/10/2020. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Lê Khánh A và Lê Đăng D. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị T và anh T1 không có công nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Mạnh T1: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Lê Mạnh T1 đến Tòa án làm bản tự khai, triệu tập đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa giải. Anh Lê Mạnh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa để tự khai không tham gia phiên họp, cũng như phiên hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai và không tiến hành được phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Mạnh T1 đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2022 thì chuyển xuống phường Q, thành phố T, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Về con cái: Tại phiên tòa, chị T trình bày do trong quá trình suy nghĩ lại, chị xét thấy cháu Khánh A đang ở cùng anh T1 và ông bà nội có điều kiện chăm sóc tốt, chị đang ở nhờ nhà đồng nghiệp cùng với cháu Lê Đăng D, do đó không đủ khả năng chăm sóc cháu Lê Khánh A, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Khánh A cho anh T1 nuôi dưỡng, giao cháu Lê Đăng D cho chị nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên chấp nhận.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T, cụ thể chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, Về con cái, giao cháu Lê Khánh A cho anh T1 nuôi dưỡng, giao cháu Lê Đăng D cho chị T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã ®-ïc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Mạnh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 không có mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Lê Mạnh T1 là phù hợp.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Mạnh T1 kết hôn với nhau vào ngày 05/01/2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài anh chị đã sống ly thân từ tháng 05/2023 cho đến nay, điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị T, mẹ anh T1 và chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Nay chị Bùi Thị T làm đơn ly hôn anh Lê Mạnh T1 là có căn cứ. Do vậy hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Mạnh T1.

[3]. Về con cái: Chị Bùi Thị T và anh Lê Mạnh T1 có 02 con chung là cháu Lê Khánh A, sinh ngày 04/11/2015 và cháu Lê Đăng D, sinh ngày 29/10/2020. Quá

trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Lê Khánh A và Lê Đăng D và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị T đề nghị do hiện nay nơi ăn chốn ở của chị chưa ổn định, chị đang phải ở nhờ nhà bạn nên điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu là chưa đảm bảo, lâu nay cháu Lê Khánh A đang ở với anh T1 và bố mẹ anh T1, cháu được chăm sóc chu đáo nên chị T đề nghị giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khánh A và giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đăng D, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét yêu cầu về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp điều kiện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con cái nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Mạnh T1

2. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Lê Mạnh T1 có 02 con chung là cháu Lê Khánh A, sinh ngày 04/11/2015 và cháu Lê Đăng D, sinh ngày 29/10/2020. Ly hôn giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng Lê Đăng D, giao cho anh T1 trực tiếp nuôi cháu Lê Khánh A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003057 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Anh Lê Mạnh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph Đông Hương tp TH ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt